

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số **1547**/UBND-KTTH

Quảng Ngãi, ngày **06** tháng 4 năm 2022

V/v Phương án giá sản phẩm,  
dịch vụ công ích thủy lợi  
năm 2022 trên địa bàn  
tỉnh Quảng Ngãi

Kính gửi: Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

Thực hiện Nghị định số 96/2018/NĐ-CP ngày 30/6/2018 của Chính phủ Quy định chi tiết về giá sản phẩm, dịch vụ thủy lợi và hỗ trợ tiền sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi, UBND tỉnh Quảng Ngãi kính đề nghị Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Phương án giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi năm 2022 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi, với các nội dung cụ thể như sau:

1. Giá tối đa sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi đối với đất trồng lúa như sau:

a) Trường hợp tưới chủ động:

TT	Khu vực và biện pháp công trình	Giá tối đa (1.000 đồng/ha/vụ)
1	Đối với các huyện miền núi, các xã miền núi thuộc huyện đồng bằng và các xã miền núi thuộc thị xã Đức Phổ	
	Tưới bằng động lực	3.134
	Tưới bằng trọng lực	2.194
	Tưới bằng trọng lực và kết hợp động lực hỗ trợ	2.664
2	Đối với các huyện còn lại (trừ các huyện miền núi, các xã miền núi thuộc huyện đồng bằng), thị xã Đức Phổ (trừ các xã miền núi) và thành phố Quảng Ngãi	
	Tưới bằng động lực	2.444
	Tưới bằng trọng lực	1.711
	Tưới bằng trọng lực và kết hợp động lực hỗ trợ	2.077

b) Trường hợp tưới chủ động một phần thì mức giá tối đa bằng 60% mức giá tương ứng theo điểm a khoản 1 Công văn này.

c) Trường hợp chỉ tạo nguồn tưới bằng trọng lực thì mức giá tối đa bằng 40% mức giá tương ứng theo điểm a khoản 1 Công văn này.

d) Trường hợp chỉ tạo nguồn tưới bằng động lực thì mức giá tối đa bằng 50% mức giá tương ứng theo điểm a khoản 1 Công văn này.

đ) Trường hợp lợi dụng thủy triều để tưới thì mức giá tối đa bằng 70% mức giá tưới bằng trọng lực tương ứng theo điểm a khoản 1 Công văn này.

e) Trường hợp phải tạo nguồn từ bậc 2 trở lên đối với các công trình được xây dựng theo quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt, mức giá tối đa được tính tăng thêm 20% so với mức giá tương ứng theo điểm a khoản 1 Công văn này.

g) Trường hợp phải tách riêng mức giá cho tưới, tiêu trên cùng một diện tích thì mức giá tối đa cho tưới được tính bằng 70%, cho tiêu bằng 30% mức giá tương ứng theo điểm a khoản 1 Công văn này.

2. Mức giá tối đa đối với diện tích trồng mạ, rau, màu, cây công nghiệp ngắn ngày được tính bằng 40% mức giá tối đa đối với đất trồng lúa được quy định tại khoản 1 Công văn này. Riêng huyện Lý Sơn được áp dụng như các huyện (trừ các huyện miền núi, các xã miền núi thuộc huyện đồng bằng), thị xã Đức Phổ (trừ các xã miền núi) và thành phố Quảng Ngãi để tính bằng 40% mức giá tối đa đối với đất trồng lúa được quy định tại khoản 1 Công văn này.

### 3. Hồ sơ phương án giá gồm:

- Hồ sơ phương án giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi năm 2022 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi (01 bộ).

- Bản sao có chứng thực Định mức kinh tế kỹ thuật trong công tác quản lý, khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi thuộc Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi Quảng Ngãi quản lý đã được phê duyệt tại Quyết định số 60/2017/QĐ-UBND ngày 08/9/2017 của UBND tỉnh Quảng Ngãi.

- Công văn số 661/STC-HCSN&DN ngày 14/3/2022 của Sở Tài chính Quảng Ngãi về việc phương án giá sản phẩm, dịch vụ thủy lợi năm 2022 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

Kính đề nghị Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xem xét, giải quyết./.

#### Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ Tài chính (b/cáo);
- Tổng cục Thủy lợi;
- Cục Quản lý giá - BTC;
- TT HĐND tỉnh;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Các Sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài chính;
- VPUB: CVP, PCVP, P.KTN, CB-TH;
- Lưu VT, P.KTTH160.

